

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671006 - Toán ứng dụng 2

STC : 3(45,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 2

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Trương Hữu	Thiện	3672050413	13/09/1993	2,00	2,00	2,00	
2	Trần Đức	Đạt	3672050427	09/03/1994	,00	,00	,00	
3	Nguyễn Đình	Minh	3672050429	02/02/1992	2,00	,00	,60	
4	Huỳnh Trọng	Thắng	3672050433	24/08/1994	3,00	,50	1,30	
5	Lê Văn	Sang	3672050435	05/06/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
6	Mai Ngọc	Son	3672050438	06/02/1994	2,00	3,00	2,70	
7	Hồ Minh	Phuong	3672050443	02/09/1994	6,00	7,00	6,70	
8	Phạm Duy	Huy	3672050448	25/08/1994	3,00	1,50	2,00	
9	Phạm Ngọc	Vũ	3672050460	09/01/1994	4,00	4,50	4,40	
10	Trần Hoàng	Cung	3672050466	16/10/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
11	Nguyễn Văn	Trung	3672050476	05/06/1994	5,00	,50	1,90	
12	Phùng Vương	Nghĩa	3672050494	08/09/1994	2,00	,00	,60	
13	Đinh Trọng	Lượng	3672050504	20/07/1994	4,00	,00	1,20	
14	Nguyễn Đình	Duy	3672050548	01/01/1993	,00	,00	,00	
15	Nguyễn Văn	Thịnh	3672050555	14/02/1994	,00	,00	,00	
16	Nguyễn Hữu	Lợi	3672050565	21/03/1994	4,00	2,00	2,60	
17	Lê Minh	Thiện	3672050579	10/05/1993	,00	,00	,00	
18	Nguyễn Chí	Thanh	3672050643	20/11/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
19	Đỗ Văn	Chung	3672050644	20/08/1994	3,00	,00	,90	
20	Dương Vĩnh	Nam	3672050645	14/04/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
21	Võ Lữ Thanh	Phong	3672050649	14/12/1992	2,00	2,00	2,00	
22	Nguyễn Tấn	Tài	3672050651	07/12/1994	2,00	1,50	1,70	
23	Lê Văn	Hậu	3672050691	23/07/1994	4,00	5,50	5,10	
24	Nguyễn Ngọc	Tươi	3672050697	07/11/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
25	Cao Thành	Hiệp	3672050704	01/08/1993	,00	,00	,00	Nợ HP
26	Lê Công	Tòan	3672050723	15/01/1994	3,00	,50	1,30	
27	Vũ Ngọc	Duy	3672050724	12/01/1994	1,00	,00	,30	
28	Nguyễn Thanh	Hùng	3672050744	07/01/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
29	Khâu Trung	Can	3672050753	02/11/1993	,00	,00	,00	Nợ HP
30	Lê Thanh	Phong	3672050775	22/07/1994	3,00	,00	,90	
31	Phan Thanh	Long	3672050800	25/05/1994	4,00	1,00	1,90	
32	Trần Quang	Trung	3672050805	10/01/1994	,00	,00	,00	
33	Võ Văn	Hiền	3672050808	20/06/1994	5,00	2,50	3,30	
34	Lê Tuấn	Trung	3672050827	28/02/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
35	Nông Văn	Phi	3672050842	10/06/1994	,00	,00	,00	Nợ HP

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Ngọc	Anh	3672050856	20/12/1994	2,00	1,00	1,30	
37	Trương Minh	Hoàng	3672050863	09/02/1994	,00	,00	,00	
38	Lý Thái	Hưng	3672050886	27/07/1994	4,00	5,50	5,10	
39	Nguyễn Ngọc	Duy	3672050889	13/09/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
40	Nguyễn Đình	Tuân	3672050891	23/09/1993	2,00	2,00	2,00	
41	Võ Văn	Kiệt	3672050917	20/06/1994	5,00	3,00	3,60	
42	Hạ Quang	Đức	3672050926	24/10/1993	3,00	3,00	3,00	
43	Nguyễn Tấn	Tài	3672050942	08/07/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
44	Đặng Trần Thị Y	Linh	3672050943	01/11/1994	4,00	5,50	5,10	
45	Dương Cao	Quý	3672050956	30/07/1994	,00	,00	,00	
46	Tô Tiến	Tài	3672050957	08/10/1994	3,00	,50	1,30	
47	Trần Bá	Thịnh	3672050962	09/03/1994	3,00	,00	,90	
48	Võ Văn	Tuân	3672050974	01/06/1993	1,00	,00	,30	
49	Mai Đỗ	Nghĩa	3672050981	24/07/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
50	Trần Văn	Thùy	3672050988	07/02/1994	2,00	,00	,60	Nợ HP
51	Nguyễn Hoàng	Tùng	3672051021	22/04/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
52	Phạm Quốc	Pháp	3672051056	30/03/1992	,00	,00	,00	
53	Nguyễn Thành	Tâm	3672051061	27/05/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
54	Huỳnh Minh	Cánh	3672051081	21/12/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
55	Phạm Văn	Trung	3672051082	16/10/1993	,00	,00	,00	
56	Lê Quốc	Khải	3672051097	01/09/1994	1,00	,00	,30	
57	Ngô Việt	Đức	3672051098	14/11/1994	3,00	,00	,90	
58	Võ Minh	Phụng	3672051203	15/03/1994	4,00	6,00	5,40	
59	Nguyễn Minh	Chinh	3672051216	14/02/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
60	Huỳnh Đại	Nhân	3672051238	08/04/1994	,00	3,50	2,50	
61	Trần Văn	Hùng	3672051266	21/01/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
62	Trần Quốc	Toàn	3672051271	08/02/1994	1,00	1,00	1,00	
63	Huỳnh Nguyễn Trọng	Toàn	3672051303	21/01/1994	3,00	,00	,90	
64	Nguyễn Thế	Bá	3672051455	12/10/1993	,00	,00	,00	
65	Nguyễn Minh	Lực	3672051474	12/12/1994	4,00	,50	1,60	
66	Đặng Văn	Thiện	3672051480	20/10/1993	2,00	,00	,60	Nợ HP
67	Lương Lý	Huỳnh	3672051481	02/01/1994	2,00	,00	,60	
68	Trần Quốc	Tài	3672051529	08/11/1994	4,00	6,00	5,40	
69	Trần Thanh	Quyết	3672051530	29/06/1993	1,00	2,50	2,10	Nợ HP
70	Võ Công	Phúc	3672051541	12/04/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
71	Bùi Công	Tuân	3672051573	05/09/1994	7,00	4,00	4,90	
72	Trần Đình	Nhiên	3672051593	19/07/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
73	Lê Đặng Hoài	Phương	3672051600	16/08/1994	5,00	,00	1,50	
74	Phạm Nhật	Thảo	3672051610	20/10/1994	2,00	,00	,60	
75	Nguyễn Văn	Hòa	3672051629	20/04/1994	3,00	3,50	3,40	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Trần Đức	Huy	3672051651	15/07/1993	,00	,00	,00	Nợ HP
77	Bùi Thanh	Trí	3672051658	15/03/1993	3,00	6,00	5,10	
78	Trần Thanh	Đạt	3672051664	13/07/1994	2,00	1,50	1,70	
79	Lâm Châu	Minh	3672051668	14/04/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
80	Nguyễn Hoàng	An	3672051674	24/06/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
81	Trần Bình	Trọng	3672051854	15/05/1994	3,00	,00	,90	
82	Đoàn Văn	Thành	3672051868	05/08/1993	4,00	2,50	3,00	
83	Võ Như Trọng	Huân	3672051887	25/02/1994	2,00	2,50	2,40	
84	Nguyễn Quang	Vinh	3672051894	01/09/1994	,00	,00	,00	
85	Nguyễn Văn	Thuận	3672051961	14/03/1993	4,00	1,50	2,30	
86	Trương Đăng	Triều	3672051973	29/09/1994	,00	,00	,00	
87	Hoàng Duy	Tân	3672052001	18/01/1994	2,00	2,00	2,00	
88	Nguyễn Bảo	Linh	3672052002	14/02/1994	3,00	,00	,90	
89	Nguyễn Thành	Luân	3672052028	05/11/1994	4,00	3,00	3,30	
90	Trần	Phuong	3672052038	09/04/1993	3,00	,50	1,30	
91	Nguyễn Xuân	Tín	3672052055	04/02/1994	,00	,00	,00	Nợ HP

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 06 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)